

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 24 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 94

Thứ ba, là đại văn chính thức giải thích về Xúc làm Duyên v.v... Trước là hết, bài tụng nêu mười môn: 1- Xúc “duyên”; 2- Kiến viên mãn; 3- Thật; 4- Giải; 5- Không yêu thích; 6- Pháp trụ trí; 7- Tinh tấn; 8- Trong xứ sinh có hai lần “Lại nữa”.

Trong giải thích của văn xuôi: 1- Giải thích về đại ý của xúc “duyên”: Nhân xúc sinh thọ, đã hiện có thể được, cần gì phải chấp giả dối tự tạo nên khổ, vui và người khác làm v.v...

2- Giải thích Kiến viên mãn, dùng ba “duyên” sau để giải thích Kiến viên mãn: 1/ đối với chánh pháp và Tỳ-nại-da, không thể thay đổi. 2) cũng được gọi là thành kiến chánh trực, vì ý ưa tịnh đối với Niết-bàn. 3) cũng gọi là thành tựu về chứng tịnh ở Phật, vì trí thanh tịnh đối với cảnh sở tri.

Do ba duyên này, như thứ lớp đó, được gọi là người thú hưởng chánh pháp, người gần gũi đầu tiên. Thứ hai, và chánh chứng. Thứ ba, theo thứ lớp, phối hợp với ba duyên trước.

“Thế nào? v.v... trở xuống, là giải thích năm nhân:

1- Nhân đường ác, tức ba nghiệp ác và căn bất thiện, tức, tham, giận si.

Năm nhân thanh tịnh, nói là duyên khởi của đế, tức trí “năng duyên” là nhân thanh tịnh.

3- Giải thích môn thật. Luận sư Cảnh kết hợp hai lần “lại nữa” làm thành môn thật giải thứ ba, chỉ nay không dựa vào”.

Luận sư Đạt nói:

Hỏi: “Vì sao trong môn thật. Cảnh không nói đến thức và danh sắc ư?”

Đáp: “Nói nhầm chán, đoạn giới, lìa dục trong thuyết đã nói, nghĩa là cõi không có dục cõi diệt.

Danh, câu, văn, thân, được gọi là pháp giới.

1) Lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh, từ nhân cũng gọi là pháp giới.

2) Y chỉ theo đây tu, có thể chứng pháp giới từ quả cũng được gọi là pháp giới.

3) Giải thích pháp giới, cũng gọi là pháp giới.

Lại “Vì khác nhau như thế v.v...” trở xuống là giải thích danh, nghĩa khác nhau của hữu vi.

4) Giải thích môn giải. Luận sư Cảnh nói: “Môn có “khác” được ghi nhận riêng” cho đến “không có một nghi hoặc”, nghĩa là ý có hành vi, gọi là môn có “khác”. Môn không có “khác” được ghi nhận, nghĩa là ghi nhận rằng: sanh tử của ta đã hết v.v...”. Lại, không có nghĩa “khác”.

Trí ghi nhận riêng: thế nào là môn tri kiến?

Sự sinh kia đã hết v.v... trở xuống, là đáp: “Tức ghi nhận riêng rằng,” vì sinh “duyên” tận, nên sinh kia đã tận”.

“Lại tức v.v... trở xuống, là nhân giải thích về phân biệt ghi nhận riêng thứ sáu, nghĩa là ghi nhận riêng cái “có” của nhân duyên kia, tức “có” duyên sinh.

Lại nữa, ghi nhận riêng về nhân duyên của sự sinh kia, nhân duyên các thủ, nghĩa là thủ “duyên” hữu.

Lại nữa, ghi nhận riêng về tướng mạo của thủ này, vì biết như thật, vì thấy như thật, nên khiến cho thủ “không có” nghĩa là ghi nhận riêng dứt trừ thủ. Đã giải thích về ghi nhận chung thứ năm xong, sẽ giải thích về đoạn ghi nhận riêng thứ tư: “tất cả nhân duyên tham ái, đều cùng tận”, đây là đoạn ghi nhận riêng (ký biệt) tức phân biệt ghi nhận riêng. Vì phân biệt ghi nhận tham dứt trừ, nên đây là ký biệt chung. Phải biết rằng, đại khái do ba thứ hành tướng, nghĩa là các kiết mà Đức Phật đã nói, ta đều không có, gọi là ghi nhận chung ban đầu.

Thứ hai, là ghi nhận chung tất cả đều xấu ác, pháp bất thiện, đều không rò rỉ ở tâm.

Thứ ba, tự mình không có tất cả kiêu, mạn”.

Luận sư Đạt nói: “Môn có “khác” ghi nhận riêng: Chẳng phải chỉ lắng nghe, liền được không có nghi, nên nói “môn có khác”.

Lại “Tức đối với ghi nhận riêng v.v...” trở xuống, là nhân trí phân biệt ghi nhận, tức là vượt qua giải thích về ghi nhận riêng thứ sáu.

Cái “có” của nhân duyên kia, nghĩa là trong phân biệt ghi nhận của trí trước rằng, vì sinh “duyên” cùng tận nên nói sinh “duyên” là chỉ

hữu. Nay, ở đây, nói rằng nhân duyên của nhà chi sinh, vì cái gọi là chi “hữu” nên nói là nhân duyên.

Lại nữa, ghi nhận nhân duyên của sinh kia, nhân duyên các thủ: Lại nữa, tìm kiếm nhân duyên của nhà chi “hữu”, cái gọi là chi thủ. Đây là nhân duyên của nhà nhân duyên, nên nói “nhân duyên của nhân duyên”.

Trên đây, là nói về khởi quán phần tạo tác.

“Lại nữa, ghi nhận riêng về tướng của các thủ này v.v...” trở xuống. Là nói về quán Hoàn diệt. Phân biệt ghi nhận chung: bỏ cách giải thích phân biệt ghi nhận chung thứ năm, nhắc lại văn phân biệt ghi nhận của Trí.

Đoạn phân biệt ghi nhận, nghĩa là lại trừ bỏ cách giải thích đoạn phân biệt ghi nhận thứ tư.

Thứ năm, là giải thích về không ái lạc, trước nêu chung, về ái lạc, không ái lạc. Sau là hỏi, đáp, giải thích.

Thứ sáu, là giải thích về trí pháp trụ và trí Niết-bàn. Trí pháp trụ của kiến đạo về trước này, là quán bốn đế, không đồng với luận Tiểu thừa nói là bốn viên mãn (như dưới đây sẽ nói).

Thứ bảy, là giải thích môn tinh tấn. Trước, nói về quán sáu viên mãn, công năng phát sanh tinh tấn.

Sáu nói do bốn thứ tướng, gọi là khéo nói pháp. Trong phần trước, đầu tiên, là nêu chung, gạn hỏi. Sau, là giải thích riêng. Trong đó có hai: trước, giải thích về tướng viên mãn của sáu thứ. Sau, là nói các thông minh. Nghĩa là trụ siêng năng, tinh tấn, trong đó lại có hai: 1/ Nói về tu hành tinh tấn. 2/ Biếng nhác và tinh tấn đối lập nhau, để nói về được, mất.

Y cứ trong phần nói về sự thắng lợi của tinh tấn. 1/ Nêu hai điều lợi đối với phần chung ở trước, đây là tinh tấn v.v... trở xuống. 2/ Tùy vấn nạn giải thích, tức chia ra làm ba chương. Dưới đây sẽ giải thích theo thứ lớp. Hai điều lợi trước rất dễ hiểu.

Trong phần nói về nghĩa “câu”, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp có hai: 1/ nghĩa của mình, 2/ nghĩa của người trong đó có bốn câu: Câu thứ tư, tức ở ba câu trước nói theo đuổi không có đoạn, nên nói “Rất tu rộng”.

Thứ tám là giải thích về chỗ sinh, như văn, rất dễ hiểu.

Thứ chín, là giải thích môn do dự, tức là chữ Đẳng trong bài tụng, lần “Lại nữa” đầu tiên đã lấy (sở thủ).

Luận sư Đạt v.v... nói: “Đệ tử các bậc Thánh học rộng, là phàm

phu. Dù là phạm phu nhưng học Thánh pháp, nên nói là đệ tử bậc Thánh. Nếu bỏ hai chữ Đa Văn (học rộng), tức là Bậc thánh chân thật, văn này chứng biết.

Thứ mười, là giải thích môn khổ não, là “Lại nữa” sau đã lấy chữ “đẳng”.

Nói “Lại như có một cho đến “gọi là người thứ ba”, nghĩa là văn này nói về người học cũng tạo nghiệp tư lương, chỉ tạo “mãn nghiệp”.

Thứ tư, là môn Đại giải thích có diệt v.v... Trước bài tụng nêu sáu môn:

1. Có diệt.
2. Hoặc Samôn, Bà-la-môn.
3. Thọ trí.
4. Lưu chuyển.
5. Qua lại.
6. Thuận nghịch với Phật.

Trong giải thích của Văn xuôi, trước là giải thích môn “hữu diệt”. Luận sư Cảnh nói: “Các học kiến tích xong, đối với chỗ kiến hoặc diệt, tuệ thân đều chứng, mà chỗ tu hoặc chưa diệt, thân của Trạch diệt kiến, chưa thể chứng, vì chưa dứt, như người khát nước kia, nhìn xuống giếng thấy nước. Thùng mức nước dụ như cội diệt. Phương pháp gọi là thùng mức nước”, Luận sư Đạt nói: “Bậc thánh kiến đạo dù đã dùng Tuệ nhãn chứng thấy đạo, đã dứt trừ hết phiền não, ở vô vi, cũng được đạo phương tiện năng tu, nhưng vì chưa dứt trừ “hoặc” do tu đoạn, cho nên cũng chưa chứng đắc vô vi, nên nói cũng chưa thể.”

Văn dụ rằng: “Nhục nhãn dụ cho kiến đạo, nước tốt dụ cho vô vi đã chứng. Chậu nước dụ cho đạo phương tiện năng tu”.

Có chỗ giải thích: “Cái “có” trong đây, nghĩa là ba cội, nếu ba hữu diệt, thì tức chứng Niết-bàn. Cho nên Niết-bàn gọi là hữu diệt. Muốn chứng tỏ người của ba quả, không cần “duyên” người khác, mà tự quán Niết-bàn, nhưng chưa tác chứng, như người khát nước, thấy nước không uống”.

Thứ hai, là giải thích về Sa-môn, Bà-la-môn. Luận sư Cảnh nói: “Lại có hai thứ: 1- Ái sở tác; 2- Nghiệp sở tác, cho đến giới vô minh đã theo sáu xứ”, như Tam Tạng Pháp sư nói: “Như tám chi này là sở tác của ái. Vì sao? Vì ái, thủ đồng là tham ái, nên gọi là Ái sở tác, rất dễ hiểu. Từ ái, thủ thấm nhuần nghiệp, gọi là “hữu”, cũng là cái mà ái đã làm. Từ ba chi này sinh ra hai quả. Xa từ ái, gọi là ái sở tác. Lại quán ngược ái và ái làm nương tựa. Y cứ làm nương tựa của thọ, sáu xứ làm

nướng tựa cho xúc. Thế nên, sáu xứ, xúc, thọ, lại từ quả ái đã sinh làm ái, gọi là “sở tác”. Hạt giống vô minh nướng tựa vào sáu xứ, nên nói “Như vô minh xúc sinh ra các thọ, nếu xúc vô minh và giới vô minh đã theo sáu xứ”.

“Nghịệp Sở tác cho đến “không biết như thật”, nghĩa là biết không như thật là vô minh. “Hành” trong bốn chi trước này là thể của nghịệp. Từ nghịệp ý tứ, khởi nghịệp thân, ngữ, vì thức và danh, sắc là quả của nghịệp, nên gọi là nghịệp sở tác.

“Như pháp trụ trí” v.v... trở xuống, gọi là trước không chứng đạo như thị ở sau. Pháp trụ trí ở trước, đối với pháp duyên sinh, còn không thể rõ, huống chi như kiến đạo chứng hiện quán đế mà rất dễ hiểu rõ khắp ư? Kiến đạo dù dứt trừ kiến hoặc, nhưng không bằng tu đạo, cho nên chưa biết rõ khắp. Tu được dù tâm diệt tu hoặc, nhưng vì không bằng vô học, nên nói “chưa thể siêu việt”.

Luận sư Đạt lại nói: “Trong đây, vì sinh cái khác, vì từ cái khác sinh, nên đều nói sở tác của ái. Chi thủ, hữu, ái vì là chủ thể sinh cái khác, nên nói là “sở tác”.

“Nếu vô minh v.v... trở xuống, là nói từ cái khác sinh, nên nói “sở tác”.

Hỏi: “Vì sao trong chủ thể sinh cái khác, không nói sinh, già chết ư?”

Đáp: “Vì trong đây nói nhân sở tác. Đã có sở tác tức có quả sở sinh, nên chỉ nói nhân, không nói quả. Trong sở tác của nghịệp (nghịệp ái tạo), chỉ có chủ thể sinh cái khác, nên nói là “sở tác”.

Thứ ba, là giải thích về trí, thọ. Luận sư Cảnh v.v... cho rằng: “Bốn mươi bốn nói về Thọ và Bốn mươi bốn nói về Trí, không đồng với luận Tiểu thừa chỉ nói bốn mươi bốn Trí. Phải biết rằng, ở mười một chi trong đây, an lập bốn đế. Dựa vào mỗi chi đế này, lập bốn mươi bốn sự, tức bốn mươi bốn sự đế. Trong già, chết của mé sau chỉ có quả, vô minh của mé trước chỉ có nhân, nghĩa là ở đây y cứ một lần, một đoạn nhân, quả: Vô minh không có nhân, già chết không có quả. Nếu dựa theo mười hai luân chuyển, tức vô minh có nhân, cái gọi là già chết. Già chết có quả, tức là vô minh, gọi là vô thỉ có luân. Vô minh chỉ có ba đế, không có tập, cho nên không có quán, chỉ có bốn mươi bốn trí. Vì biết khắp khác nhau của ba thời, nên tìm kiếm quán nhân. Quả khứ đã sinh “duyên” già chết. Vị lai sẽ sinh “duyên” già chết. Hiện tại hôm nay sinh “duyên” già chết.

Nói “Như trước đã nói, vì quyết định biết khắp có khác nhau,

nên ở đây xét nhân để quán. Quá khứ chẳng phải không “duyên” sinh có già chết v.v... Lại, có ba trí, thêm vào ba trí trước thành sáu. Do trí “năng thủ” thuộc về pháp trụ trí, vì có sự khác nhau của tánh vô thường, nên quán chung ba đời. Già chết từ sinh sở sinh đều là vô thường, nên thành bảy trí. Như thế, cho đến quán hạnh cũng có bảy trí, nên có bảy mươi bảy trí. Như thế, trải quán các đế, tất cả hành tướng đều từ vô gián này nhập hiện quán đế, nghĩa là nói biết Kiến đạo trở xuống đã tạo nên hành này.

Thứ tư, là giải thích lưu chuyển. Luận sư Cảnh nói: “1/ Nhân tăng ích, nghĩa là bảy nhân dẫn ở trước; 2/ Quả sinh khởi; 3/ Nhân sinh. Ba quả tăng tập, nghĩa là hai nhân dẫn sinh, nếu nhóm hợp quả đương lai thì gọi là quả.

Như thế, lược nhiếp thu thành một, gọi chung là các pháp, hoặc tăng, hoặc sinh, hoặc nhóm hợp, kết hợp với ba tướng trước, là lưu chuyển kia.

“Dựa vào nhân quả diệt cho đến “hoặc mất”, đây là Hoàn diệt. Trái với bảy tăng trước, gọi là giảm. Trái với ba nhân sinh trước nên gọi là diệt. Vì trái với hai quả tập trước, nên gọi là mất. Đạo lý của hai thứ lưu chuyển, hoàn diệt vì không trái với pháp tướng, nên nói “đạo lý khác nhau của ý thú như thế, không trái với pháp tánh”.

Lại, có nghĩa khác, thời gian khác nhau của mé đầu, giữa và sau, nghĩa là nhân lưu chuyển quá khứ, gọi là tăng ích. Diệt trở lại, gọi là diệt (Hoàn diệt gọi là diệt). Lưu chuyển ở vị lai, gọi là quả sinh khởi. Trong phần Hoàn diệt gọi là giảm. Hiện tại, gọi là quả. Thêm tập trái với quả kia, gọi là mất.

Vì sự khác nhau v.v... của cõi Dục, Sắc, Vô Sắc: Lưu chuyển, Hoàn diệt của cõi Dục, hoặc tăng hoặc giảm. Cõi Sắc gọi là hoặc sinh hoặc diệt. Cõi Vô Sắc, gọi là hoặc tập hoặc mất.”

Pháp sư Thái nói: “1/ Nhân Tăng ích, nghĩa là chi vô minh; 2/ Quả tăng ích, nghĩa là chi sinh già chết; 3/ Nhân, quả tăng ích, nghĩa là bảy chi còn lại.”

Luận sư Đạt nói: “Hoặc tăng, hoặc sinh, hoặc tập, nghĩa là y cứ chung một xứ của mười hai chi mà nói, nên rằng: “hoặc tăng v.v...”. Hoặc giảm, nghĩa là vô minh diệt trong phần hoàn diệt, nên nói là giảm, hoặc diệt, nghĩa là vì do hành diệt, nên nói rằng diệt. Hoặc mất, nghĩa là vì sinh, già chết tận, nên nói là mất.

Thứ năm, là giải thích về qua lại. Luận sư Cảnh nói: “1/ Tập nhiễm của nghiệp ái, nghĩa là vì ái tương ưng với tư mà tạo tác, nên gọi

là nghiệp ái tạp nhiễm, 2/ Kiến giả đối tạp nhiễm, tức là các kiến.

“Nên biết rằng, trong đây v.v... trở xuống, là nói về tên khác của kiến đó:

“Nói hữu học kiến tích cho đến “không ưa thích hậu hữu”: 1/ Giải thích: “Kiến phân biệt đã dứt mất. Có kiến giả đối “Câu sinh”, vì theo phần nhiều đã dứt trừ, nên nói chỉ có tập khí”.

2/ Giải thích: “Kiến “phân biệt” gọi là triền, tất cả đã dứt trừ. Kiến “câu sinh” nhân kiến “phân biệt” sinh, gọi chung là tạp khí, nên nói chỉ có tập khí ngã mạn v.v...”

“Nghiệp ái tạp nhiễm cho đến “Chiêu tập hậu hữu”, Tức là ngã ái phân biệt. Ở tu dứt trừ, nghĩa là do dứt trừ ngã kiến “phân biệt”. Ái này rất ráo không hiện hành. Nhưng có hạt giống chưa dứt, theo đuổi làm tiêm nhiễm, Vô học rất dễ hiểu”.

Luận sư Đạt nói: “Không có các Triền, cả ba thuyết đều giải thích khác nhau.

1/ “Không có phân biệt mà khởi, nên nói rằng không có các triền”.

Hỏi: “Nếu vậy, “Câu sinh” nhậm vận khởi nhập, thuộc về môn nào ư?”

Đáp: “Xếp vào Tùy miên”.

2/ “Vì “câu sinh” cũng phần nhiều không khởi, nên nói không có các Triền”.

3/ “Không có phân biệt, vì đã khởi triền ngã mạn. Vì sao? Vì đối tượng mà ngã kiến nương tựa đã dứt trừ, nên ngã mạn này rất ráo không hiện ở trước. Nhưng Tam Tạng Pháp sư giải thích: “Tu đạo đã dứt trừ các triền. Trong văn luận rất ráo, không có phân biệt mà khởi ngã mạn, tùy miên triền cũng không có, vì trong kiến đạo trước đã dứt trừ.

Tạp nhiễm tâm kia: 1/ “Tùy miên ngã mạn”; 2/ “Phiền não v.v... “Câu sinh v.v... 3/ “Các ái v.v... hiện hành”.

Có Luận sư giải thích: “Hỏi: “Đã làm người Hữu học, chưa dứt trừ kiến “Câu sinh”, Luận chủ không thể nói chỉ có tập khí, chỗ dựa của ngã mạn, bởi vì trong nghĩa quyết định đã nói “Chỉ”. Nếu nói tập khí mà có hiện hành ấy, thì cũng có thể nói có hiện hành mà “chỉ” có tập khí chẳng?”

Đáp: “Nay, phần thứ năm, muốn nói ba tạng của Đại thừa, Tiểu thừa đồng không có khác nhau, chỉ có Thánh Tiểu thừa của thời đại sau, như nói chấp ngã. Nếu chấp kiến của mình để phân tích chân ngôn thì sẽ trở thành nhiều chương ngại, nên nay Luận chủ vì muốn làm sáng tỏ

ý Phật hội quy một đường, nên nói phần nhiếp sự, nhưng tức không thể do có hai kiến trong phần trước, đã khiến cho đồng với phần sau cũng có hai kiến. Vì sao ? Vì ý văn này, chính là giải thích ngôn giáo tùy tướng của Đức Như lai, nên kiến “câu sinh” không thể nói là Triền của kiến giả dối, “chỉ” nói là tập khí, vì vi tế, nên không có phần này gồm thu hai kiến kia, thuộc về ngã mạn.”

Pháp sư Thái nói: “Ba địa vị hữu học, vì không khởi kiến phân biệt, nên vọng thấy đối đã dứt trừ”.

Thứ sáu, là giải thích về thuận, nghịch của Phật, trong đó có ba:

1/ Chính thức giải thích về thuận, nghịch nơi Đức Phật.

2/ Giải thích chung về chi duyên khởi.

3/ Nói dựa vào bảy thanh tịnh để tu tập dần.

Đầu tiên, là nói về Đức Phật quá khứ v.v... do duyên khởi tư, nên được Bồ-đề, khi được Bồ-đề rồi, quán hiện pháp lạc trụ của đạo lý thuận nghịch duyên khởi. Nay, đức Bạc-già-phạm cũng giống như thế. Đây là nói từ đức Thích-ca Như lai, hướng về bảy Đức Phật trước, đồng quán duyên khởi, đều được Bồ-đề v.v... ”.

Hỏi: “Trong quá khứ từng có vô lượng Chư Phật đồng quán duyên khởi, đều được Bồ-đề. Vì sao chỉ nói bảy Đức Phật v.v... ư? Nay, luận y cứ làm giải thích.

Chư Phật kia dù vô lượng, giống như nói bảy kiếp của thế gian, nghĩa là qua thứ lớp bảy hỏa tai, sau đó là một thử tai v.v... nên dựa vào bảy kiếp này để so sánh. Vả lại, biện luận về bảy vị Phật, hướng chi tất cả Bồ-đề thấp kém khác. Khi Đức Phật chứng đắc Bồ-đề, vì còn như duyên khởi, nên chưa chứng được năng chứng v.v... hướng chi Bồ-đề của Nhị thừa ư?

Dưới đây, là giải thích chung về Chi duyên khởi. “Lại, vì như thật cho đến “Như trước nên biết”, nghĩa là quán tự tánh duyên khởi, nhân duyên của duyên khởi, nhân duyên của tạp nhiễm, nhân duyên của thanh tịnh, đây là năm chi. Lại, đây là nghĩa chung của duyên khởi, nghĩa là dựa vào các khổ có nhân của phẩm chuyển, tức là nhân duyên của lưu chuyển.

Lại, dựa vào tất cả các pháp vô lậu có nhân của phẩm Hoàn, nghĩa là tức các pháp trí đoạn trong phần vắng lặng của quán duyên khởi.

Lại, tánh sở y chỉ của các lậu kia, từ vô minh xúc mà sinh các thọ, là y chỉ của ái, thủ.

Lại, Pháp có nhân cho đến “Chỉ có y duyên”, nghĩa là bậc A-la-hán do dứt trừ phiền não, mà có pháp nhân duyên, chỉ có sáu y, sáu

duyên.

Thứ ba, là nói về bảy tịnh. Nướng tựa bảy thanh tịnh, tu tập dần để được Niết-bàn Vô tạo, nghĩa là tu bảy tịnh ý. Pháp sinh tử đời nhân duyên mới thành, gọi là tạo tác. Niết-bàn không thế, gọi là vô tạo. Trong bảy tịnh, đầu tiên là giới tịnh, tâm tịnh ở trước kiến đạo. 3/ Kiến tịnh; 4/ Độ nghi tịnh, ở kiến đạo; 5/; 6/ ở Tu đạo; 7/ Ở đạo vô học.

Giới tịnh ban đầu là giới Biệt giải thoát. Tâm tịnh là được bốn thiền. 3/ Kiến thanh tịnh, tức chánh kiến Hữu học quy hiện quán. 4/ Độ nghi tịnh, hoài nghi đối với Tam Bảo rốt ráo dứt trừ, tức bốn bất hoại tịnh. 5/ Đạo, phi đạo tri kiến tịnh, tức chánh kiến biết rõ đạo hạnh ở trước là chánh đạo. Do đây, có thể đoạn tu dứt “hoặc”. 6/ Hành tri kiến tịnh. Được, khéo léo đối với đạo, phi đạo, xa lìa phi đạo, đạo nơi chánh đạo. 7/ Thực hành dứt trừ tri kiến tịnh, tức xa đối với bốn thứ hạnh của tu đạo, biết rõ như thật về khổ trì thông, tất cả nên dứt trừ.”

Hỏi: “Đạo vô lậu này sao gọi là Đoạn? Sẽ giải thích dưới đây:

“Vì nghĩa siêu việt, nên gọi là đoạn, chẳng phải do; lìa trói buộc của phiền não gọi là đoạn.

Thứ hai, Khổ tốc, thứ ba, một phần Lạc trì nên đoạn, nghĩa là thứ hai có thể khổ, thứ ba có nghĩa trì (chậm), nên một phần phải đoạn. Về nghĩa tốc, nghĩa lạc, không nên nói đoạn.

“Chẳng phải chỉ do đây”, nghĩa là chẳng phải chỉ một thanh tịnh mà có thể được Niết-bàn, cũng chẳng phải lìa đây, có nghĩa là “Nhưng không rời một thanh tịnh này.”

Trên đây, là bốn tụng giải thích về duyên khởi xong. Dưới đây là một bài tụng thứ năm. Sẽ giải thích về ăn v.v...

Bài tụng ở trước nêu sáu môn:

1. An lập; 2. Nhân duyên; 3. Quán sát nghĩa ăn; 4. Rất nhiều tai hại lỗi lầm; 5. Tọa nhiễm; 6. Giải thích chữ “Đẳng”.

Trong Văn xuôi đầu tiên là giải thích an lập, có bốn pháp làm tăng trưởng căn đại: 1- Lục Khí, có nghĩa là đoạn thực (ăn vóc), có thể cho lực khí làm thức ăn; 2- Mừng, vui: Xúc tương ứng với mừng, vui, thường với mừng, vui làm thức ăn, không lấy xúc tương ứng với lo khổ.

3- Chuyên chú hy vọng đối với việc đáng yêu, tức ý tứ hữu lậu, có thể cho tất cả hy vọng đối với cảnh đáng ưa thích làm thức ăn.

4- Chỗ nướng tựa của ba cách ăn trước.

Nói, ba môn, tức ba cách ăn trước.

Thứ hai, là giải thích nhân duyên. Nói giới vô minh, nghĩa là hạt giống vô minh.

Thứ ba, là giải thích quán sát về nghĩa ăn.

Nói “Đối với hiện pháp, vì có cái ăn này cho đến “Lại, vào thời gian nay làm kiết sinh duyên”. Nghĩa là sáu xứ hiện tại đối với vị lai kia, gọi là mé trước. Đến khi qua đời, dừng lại, vừa vô thường, diệt. Vị lai sinh có đủ sáu xứ, tầm lại nối tiếp sinh. Hạt giống của tri thức trong sáu xứ của mé trước này làm duyên năng dẫn. Lại, vào thời gian này, về sau, sẽ khởi thức của mé ban đầu làm duyên nối tiếp sinh. “Cho nên, nhân quả rơi ở các hành cho đến “luân hồi không dứt”, đây là y cứ theo xứ để nói. Vả lại, thân Diêm-phù Đề của mé trước tạo nghiệp hữu, đi qua sinh hữu của Tây Cồ-đà-ni. Lại, do hưởng, nghĩa là thân Cồ-đà-ni của sinh hữu mé sau. Tạo tác nghiệp “hữu” lại thú hưởng sinh hữu Diêm-phù Đề của xứ sinh mé trước.

Thứ tư, là giải thích về rất nhiều tai hại lỗi lầm.

Thứ năm, là thích tạp nhiễm, đều như văn rất dễ hiểu. Thứ sáu, là giải thích về môn “sở thủ” của chữ “Đẳng”.

Nói “hoặc trụ địa trên, hoặc ở địa dưới, nghĩa là phiền não của tham mừng này, hoặc “duyên” địa trên, hoặc “duyên” địa dưới. Ma La, nghĩa là Thiên ma thứ sáu.
